

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng B1.202**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 12/01/2022

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0055	Lê Trần Lâm Huy	15/10/1999				
2	TA0056	Lương Anh Huy	20/06/1999				
3	TA0057	Nguyễn Công Hoàng Hu	26/06/1999				
4	TA0058	Nguyễn Quang Huy	29/09/1999				
5	TA0059	Nguyễn Việt Huy	17/08/1999				
6	TA0060	Phùng Công Huy	22/08/1999				
7	TA0061	Khuất Thị Huyền	11/05/1999				
8	TA0062	Lê Diệu Huyền	06/10/1999				
9	TA0063	Ngô Thị Huyền	21/08/1999				
10	TA0064	Phạm Ngọc Huyền	16/02/1999				
11	TA0065	Nguyễn Trọng Khánh	25/05/1999				
12	TA0066	Nguyễn Trọng Khánh	03/10/1999				
13	TA0067	Nguyễn Văn Khoa	25/02/1999				
14	TA0068	Lưu Đình Kiên	28/04/1999				
15	TA0069	Nguyễn Trung Kiên	14/07/1997				
16	TA0070	Nguyễn Trung Kiên	19/12/1999				
17	TA0071	Nguyễn Trung Kiên	17/06/1999				
18	TA0072	Nguyễn Hồng Kỳ	26/01/1999				
19	TA0073	Nguyễn Văn Lâm	13/01/1999				
20	TA0074	Trần Tùng Lâm	10/10/1999				
21	TA0075	Nguyễn Thị Ngọc Lan	31/03/1999				
22	TA0076	Cao Thị Khánh Linh	24/09/1999				
23	TA0077	Nguyễn Thị Diệu Linh	29/06/1999				
24	TA0078	Nguyễn Thị Hương Linh	28/10/1999				
25	TA0079	Trần Thị Mỹ Linh	29/11/1999				
26	TA0080	An Phương Loan	02/10/1999				
27	TA0081	Nguyễn Xuân Lộc	30/03/1998				
28	TA0082	Trần Thị Mai	01/04/1999				
29	TA0083	Lê Văn Minh	07/03/1999				
30	TA0084	Nguyễn Tuấn Minh	16/08/1999				
31	TA0085	Trần Đức Minh	12/09/1999				
32	TA0086	Nguyễn Mậu Muôn	26/12/1999				
33	TA0087	Mai Thị Trà My	01/01/1999				

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
34	TA0088	Trần Hoài Nam	15/06/1999				
35	TA0089	Nguyễn Trung Nghĩa	28/03/1999				
36	TA0090	Mai Thị Ngọc	26/12/1999				
37	TA0091	Ngô Thị Ngọc	28/11/1999				
38	TA0092	Nguyễn Bích Ngọc	17/04/1999				
39	TA0093	Nguyễn Thị Bích Ngọc	02/09/1999				
40	TA0094	Phạm Nguyễn Nguyên	24/03/1998				
41	TA0095	Nguyễn Thị Mai Như	09/09/1999				
42	TA0096	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	29/08/2000				
43	TA0097	Nguyễn Thị Thu Oanh	28/12/1999				
44	TA0098	Lê Ngọc Phong	01/07/1999				
45	TA0099	Nguyễn Minh Phước	25/02/1999				
46	TA0100	Nguyễn Minh Phước	03/02/1999				
47	TA0101	Lương Thị Thu Phương	06/07/1999				
48	TA0102	Nguyễn Thị Phương	16/10/1999				
49	TA0103	Đoàn Diễm Quỳnh	08/09/1998				
50	TA0104	Nguyễn Như Quỳnh	06/11/1999				
51	TA0105	Nguyễn Thị Quỳnh	04/02/1999				
52	TA0106	Dương Văn Sinh	27/11/1999				
53	TA0107	Nguyễn Thị Sinh	14/07/2000				
54	TA0108	Trần Đức Sơn	26/10/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)